

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/DS-ST**

Ngày 30/9/2020

*“V/v Tranh chấp huê hụi
và hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Đệ

2/ Ông Nguyễn Thông Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn, Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Có, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 17/6/2020 về việc “Tranh chấp huê hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐST-DS, ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Võ Thị Q** – sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: vợ chồng ông **Hồ Văn H** – sinh năm 1977

Bà **Nguyễn Thị Ngọc M** – sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Ngọc L** – sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn X – sinh năm 1971

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn Li, huyện T, tỉnh Bình Thuận

- Nguyễn Thị G – sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nguyên đơn bà Võ Thị Q trình bày:

Vào ngày 18/01/2018 âm lịch, vợ chồng bà M ông H có chơi của bà 01 phần của đầu huê 10.000.000 đồng/tháng do bà làm thủ huê. Đầu huê gồm 11 phần. Vợ chồng bà M hót đầu tiên với số tiền 100.000.000đồng, sau khi chịu lời 10 phần chưa

đóng thì còn lại số tiền 78.500.000đồng, bà M trả cho bà 13.200.000đồng là tiền vợ chồng bà M nợ bà 02 khoản nợ lúc trước. Sau đó bà M tiếp tục hốt huê ngày được số tiền 8.700.000đồng, tổng 02 phần huê bà đã chồng cho vợ chồng bà M số tiền 74.000.000đồng (bảy mươi bốn triệu đồng). Việc giao tiền có làm giấy tờ đầy đủ, vì bà M không biết chữ nên con gái bà M có ghi chữ “ M” vào tờ giấy. Sau khi hốt huê vợ chồng bà M có đóng huê chết cho bà được 06 kỳ với số tiền 60.000.000đồng, còn nợ lại 04 kỳ huê chết với số tiền 40.000.000đồng.

Ngoài ra vợ chồng bà M có mượn bà số tiền 1.200.000đồng, bà đưa thêm cho vợ chồng bà M 8.800.000đồng nên ông H lẫn tay vào giấy mượn số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền vay bà không tính lãi.

Do vợ chồng bà M đóng huê 18/01/2018 âm lịch không đầy đủ nên ngày 15/01/2019 âm lịch bà tiếp tục cho vợ chồng bà M chơi 01 phần huê 3.000.000đồng/phần và 01 phần huê 1.000.000đồng/phần huê gồm 11 phần, vợ chồng bà M hốt phần huê này và hốt huê ngày được số tiền 34.880.000đồng, trả 4 kỳ huê chết 40.000.000đồng còn nợ lại số tiền 5.120.000đồng. Việc giao tiền huê này cho bà M có làm giấy tờ nhưng vợ chồng bà M không đồng ý ký vào.

Đối với số tiền vay 10.000.000đồng bà M có trả cho bà được vài triệu cộng với số tiền 5.120.000đồng thì bà M vẫn nợ bà tiền vay là 10.000.000đồng, như vậy bà M nợ bà gồm tiền huê và tiền vay. Sau khi hốt phần huê ngày 15/01/2019 âm lịch bà M đóng huê cho bà mỗi ngày 120.000đồng, hôm nào không có thì nợ lại hai bên thống nhất và bà ghi vào sổ của bà M. Năm 2019 hai bên có kết sổ thì bà M còn nợ bà 47.440.000đồng. Sau đó bà M có gửi cho bà mỗi ngày 50.000đồng nên hai bên kết sổ lại còn nợ số tiền 45.440.000đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) “trong sổ bà M bà ghi 45.440” số tiền này bao gồm cả tiền huê và tiền vay không phải riêng khoản tiền huê như bà M trình bày. Sau đó vợ chồng bà M ông H không thanh toán nợ cho bà nữa, bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà M trả nợ nhưng vợ chồng bà M không trả, hiện nay còn nợ số tiền 45.440.000đồng nên bà làm đơn khởi kiện vợ chồng bà M ông H đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà xin thay đổi số tiền khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc M ông Hồ Văn H trả cho bà số tiền huê và tiền vay tổng cộng là **40.000.000đồng** (bốn mươi triệu đồng) bà không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Không có việc trả lãi theo ông H trình bày, vợ chồng H góp huê 50.000đồng/tháng là được 1.500.000đ/tháng chứ không phải tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà chơi huê của bà Võ Thị Q đã nhiều năm, mỗi lần chơi huê có sổ theo dõi do vợ chồng bà không biết chữ nên sổ do bà Q ghi và bà giữ sổ này.

Vào ngày 18/01/2018 âm lịch, bà có chơi 01 đầu huê của bà Q, đầu huê 11 phần hàng tháng đóng huê 10.000.000đồng. Đầu huê này bà đã hốt sau khi trừ đi các khoản thì bà Q đã chồng tiền cho bà đầy đủ, việc giao tiền có làm giấy tờ vì bà không biết chữ nên con gái bà ký vào giấy nhận tiền tên “ M”, bà nhận bao nhiêu tiền thì không

nhớ vì thời gian đã lâu. Bà xác nhận giấy nhận tiền bà Q nộp tại Tòa có chữ “ M” là chữ của con gái bà.

Sau khi hốt bà đã đóng được 6 kỳ huê chết, còn nợ 4 kỳ với số tiền 40.000.000đồng.

Ngoài ra bà có nợ bà Q vài triệu bà Q đưa thêm vài triệu nữa và làm giấy xác nhận nợ 10.000.000đồng (mười triệu đồng) chồng bà ông H lăn tay vào phần tiền này bà Q không tính lãi.

Do bà không có điều kiện đóng huê chết hàng tháng nữa nên bà Q cho vợ chồng bà tham gia phần huê 4.000.000đồng, huê bao nhiêu người tham gia thì bà không nhớ, bà chỉ biết sau khi hốt phần huê này thì bà Q trừ qua số nợ của huê cũ là 40.000.000đồng, việc hốt huê này có làm giấy tờ hay không thì bà không nhớ.

Đối với phần huê 4.000.000đồng này vợ chồng bà góp hàng ngày cho bà Q 120.000đồng, hôm nào không có thì nợ lại hai bên thống nhất và bà Q viết vào sổ của bà. Bà góp được bao nhiêu không rõ nhưng hai bên có kết sổ thì vợ chồng bà còn nợ bà Q 47.440.000đồng, kết sổ lúc nào bà không nhớ nhưng có ghi vào sổ, trang này trong sổ bà đã xé bỏ vì nghĩ không liên quan. Sau đó vì bà không có tiền nên bà Q cho góp 50.000đồng/ngày hai bên kết sổ lại còn nợ số tiền 45.440.000đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) trang này thì trong sổ bà nộp cho Tòa án vẫn còn lưu số tiền này là tiền huê. Sau đó bà đã góp hết cho bà Q số tiền 45.440.000đồng việc này giữa bà và bà Q không kết sổ. Hiện chỉ còn nợ bà Q số tiền vay 10.000.000đồng (mười triệu đồng) ngoài ra không còn số nợ nào khác và từ đó bà không còn chơi huê nào do bà Q làm thủ nữa.

Bà không đồng ý với việc khởi kiện của bà Q là yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền tiền huê và tiền vay là **40.000.000đồng** (Bốn mươi triệu đồng). Về phần lãi suất ông H yêu cầu thì bà không có ý kiến về phần này.

Bị đơn ông Hồ Văn H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông xác định khoảng 3 năm trước vợ chồng ông có chơi huê do bà Q làm thủ nhưng huê bao nhiêu người chơi, bao nhiêu tiền/phần thì ông không rõ vì bà M là người trực tiếp chơi và đóng huê chứ ông không quan tâm. Sau khi kết sổ thì vợ chồng ông còn nợ bà Q số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) vợ chồng bà Q làm giấy và bắt ông lăn tay vào, ông xác nhận “Hợp đồng cho vay tiền” bà Q nộp tại Tòa là dấu lăn tay của ông. Hiện nay vợ chồng ông chỉ nợ bà Q số tiền vay là 10.000.000đồng (mười triệu đồng) ngoài ra không còn số nợ nào khác. Trước đây vợ chồng ông trả lãi cho bà Q số tiền là 1.500.000đồng/tháng ông yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất để bảo vệ quyền lợi của ông chứng cứ về việc trả lãi thì ông không có để nộp cho Tòa án.

Ông không đồng ý việc bà Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả tiền huê và tiền vay là **40.000.000đồng** (Bốn mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Q về việc cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Hồ Văn H chơi huê và vay tiền. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Hồ Văn H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số

tiền là **40.000.000đồng** (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn X trình bày: Vào năm 2018 ông có chơi của vợ chồng bà Q một đầu huê, hàng tháng đóng 5.000.000đồng, gồm 10 phần, cuối năm 2018 khi ông hốt huê cuối được số tiền 50.000.000đồng thì bà Q không chồng tiền cho ông mà mượn ông số tiền này để chồng tiền huê cho vợ chồng bà M 50.000.000đồng nhưng ông không biết vợ chồng bà M là ai.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G trình bày: Vào năm 2018 bà có chơi của vợ chồng bà Q một đầu huê, hàng tháng đóng 5.000.000đồng, gồm 10 phần. Khi chơi huê bà Q có đưa cho mỗi người danh sách gồm những người chơi huê nhưng do bà không biết chữ nên không nhớ từng người, bà chỉ thấy có bà M vào nhà bà Q chơi huê với bà. Bà M hốt huê lần thứ mấy thì bà không nhớ vì khi hốt huê bà Q chỉ gọi điện thông báo cho từng người chứ không tập trung hốt huê.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: bà Võ Thị Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Hồ Văn H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Q yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải trả cho bà Võ Thị Q số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Về án phí: bà Võ Thị Q, vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Q và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nơi cư trú tại: thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, bà Q cũng như vợ chồng bà M, ông H khẳng định giữa hai bên có quá trình chơi huê từ tháng 01/2018 như vậy giữa hai bên đã thiết lập phương thức xúng huê, sổ huê, chồng tiền nếu tay con hốt huê... cũng như có quá trình tính toán việc trả nợ chứng tỏ đây là việc kiện “Tranh chấp về huê hụi”. Ngoài ra hai bên còn lập hợp đồng về việc vay tài sản là việc kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” các quan hệ trên được pháp luật dân sự điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Hồ Văn H phải trả cho bà số tiền còn nợ gồm tiền huê và tiền vay là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Để chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Q đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ:

- Hợp đồng huê ngày 18/01/2018 âm lịch;
- Giấy nhận tiền ngày 18/01/2018 âm lịch có chữ “ M” bên đã nhận đủ tiền;
- Hợp đồng cho vay tiền ngày 06/8/2018 (AL) số tiền 10.000.000đồng có dấu lẫn tay và chữ thập;
- Hợp đồng cho vay tiền ngày 15/11/2018 (AL) số tiền 47.000.000đồng có hai chữ thập;
- Danh sách huê 3.000.000đ/phần ngày 15/01/2019(AL);
- Danh sách huê 1.000.000đ/phần ngày 15/01/2019(AL);
- Hợp đồng huê ngày 17/01/2019 âm lịch;
- Giấy nhận tiền ngày 17/01/2019 (AL) không có chữ ký của bên đã nhận đủ tiền;
- 01 tờ giấy từ sổ của bà Q tách ra (bút lục số 11);
- 01 tờ giấy từ sổ của bà Q tách ra (bút lục số 10).

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Hồ Văn H xác nhận bà có chơi do bà Q làm thủ nhưng đã đậu tiền huê chết cho bà Q đầy đủ. Hiện còn nợ bà Q số tiền vay 10.000.000đồng (mười triệu đồng) ngoài ra không còn số nợ nào khác.

Vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M không đồng ý với yêu cầu của bà Q yêu cầu vợ chồng ông bà phải số tiền còn nợ gồm tiền huê và tiền vay là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án là 01 cuốn sổ tay màu hồng được đánh số từ bút lục số 15- bút lục số 25.

Tại biên bản lời khai ngày 06/7/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc M thừa nhận còn nợ bà Q số tiền 45.440.000đồng và đồng ý trả cho bà Q số tiền 40.000.000đồng theo yêu cầu của bà Q.

Tại biên bản lời khai ngày 08/7/2020 bà M trình bày số tiền huê nợ của bà Q 45.440.000đồng thì bà đã trả, hiện chỉ còn nợ bà Q số tiền vay là 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M thừa nhận có chơi huê của bà Q vào ngày 18/01/2018 và nợ số tiền 40.000.000đồng và chơi phần huê 4.000.000đồng để trả số tiền huê còn nợ nhưng sau đã đóng đủ số tiền huê chết, hiện chỉ còn nợ tiền vay 10.000.000đồng.

Người làm chứng Nguyễn Văn X chỉ xác định sự việc có nghe bà Q nói mượn lại ông số tiền 50.000.000đồng để chồng tiền cho bà M nhưng ông không biết bà M là ai.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G chỉ xác định có chứng kiến bà M đến nhà bà Q chơi huê nhưng không xác định được việc bà M hốt huê như thế nào và có còn nợ tiền huê chết của bà Q hay không.

Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ lời khai của các đương sự cũng như chứng cứ của các bên xuất trình, khẳng định vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M có chơi ngày 18/01/2018 âm lịch do bà Q làm thủ huê và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt huê bà M đã đóng huê chết cho bà Q 06 kỳ với số tiền 60.000.000đồng, còn nợ lại 04 kỳ số tiền 40.000.000đồng. Do vợ chồng bà M đóng huê chết không đầy đủ nên ngày 17/01/2019 âm lịch bà Q tiếp tục cho vợ chồng bà M chơi tiếp phần huê 4.000.000đồng để trả tiền huê chết ngày 18/01/2018 âm lịch. Việc chơi phần huê 4.000.000đồng sau này tuy không có giấy tờ nhưng đã được bà M thừa nhận, đây là sự việc không cần phải chứng M.

Đối với số tiền còn nợ 45.440.000đồng thì bà M cho rằng đây là tiền huê và đã đóng hết bà Q với hình thức góp hàng ngày 120.000đồng/ngày, bà Q thừa nhận bà M có góp nhưng góp không đầy đủ, năm 2019 hai bên kết sổ tổng nợ huê và vay là 47.440.000đồng, bà M tiếp tục trả thêm 2.000.000đồng nên kết sổ lại nợ 45.440.000đồng. Cả hai bên đương sự đều thừa nhận có việc kết sổ với số tiền 47.440.000đồng và kết sổ tiền 45.440.000đồng. Theo biên bản ghi lời khai bà M *“việc kết sổ này bà thống nhất nên bà Q mới ghi vào sổ của bà”* tuy nhiên trang giấy kết sổ tiền 47.440.000đồng bà đã xé bỏ vì nghĩ không liên quan, điều này là phù hợp với thực tế cuốn sổ có dấu trang giấy bị xé. Về việc kết sổ nợ lại 45.440.000đồng thì trong sổ bà nộp cho Tòa án vẫn còn thể hiện. Điều này thể hiện việc kết sổ 45.440.000đồng trong “sổ bà M ghi 45.440” tuy không có ngày, tháng, năm nhưng cả hai bên đều thừa nhận nên được coi là chứng cứ của vụ án.

Căn cứ vào cuốn sổ tay bà M cung cấp tại bút lục số 21 phần đầu trang sổ ghi “còn thiếu 10.000.000đồng” và các khoản cuối trang ghi ngày 18-5 nợ số tiền 10.360.000đồng, tại bút lục số 22 trang sổ ghi ngày 27-7-2019 số 8.240 và tại bút lục số 20 trang sổ thể hiện có việc kết từ bút lục 21 và bút lục 22 được số tiền 45.440.000đồng tuy không ghi ngày tháng năm kết sổ đối với số tiền 45.440.000đồng nhưng việc kết sổ này diễn ra sau ngày 27/7/2019 điều này phù hợp giấy sổ của bà Q nộp thì việc kết sổ vào ngày 15/11/2019 bà M nợ 45.460.000đồng nhằm số 4 thành số 6 bà M cũng thừa nhận có việc kết sổ này.

Theo sổ của bà M thì xác định được số tiền 45.440.000đồng gồm tiền huê và tiền vay không phải là riêng khoản huê như bà M khai. Bà M cho rằng *“trang giấy kết sổ tiền 47.440.000đồng do không còn liên quan nên bà đã xé bỏ”* việc này là tất

yếu vì bà và bà Q đã kết lại số tiền 45.440.000đồng thì số tiền 47.440.000đồng không còn liên quan nên bà đã xé bỏ là đúng.

Sau mỗi lần trả tiền thì hai bên có kết sổ, bà M đã đóng hết huê chết số tiền 45.440.000đồng cho bà Q nhưng giữa hai bên không có việc kết sổ điều này là không phù hợp, bởi lẽ sổ do bà M cung cấp không có trang nào trong sổ thể hiện việc trả tiền và nếu đã trả thì bà M phải xé bỏ trang có số tiền 45.440.000đồng hiện sổ bà M vẫn còn trang thể hiện số tiền 45.440.000đồng như vậy bà M không có chứng cứ chứng M đã đóng tiền huê chết cho bà Q.

Ông Hồ Văn H yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất để bảo vệ quyền lợi của ông nhưng ông không trình bày được việc ông trả lãi cho bà Q 1.500.000đồng/tháng là trả lãi của số tiền nào và việc trả lãi không có chứng , bà M thì không có ý kiến gì về phần này và Q thì không thừa nhận việc trả lại nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi số tiền khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M trả cho bà Võ Thị Q số tiền 40.000.000đồng.

Về lãi suất: Nguyên đơn bà Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1,2,4 Điều 91, khoản 3 Điều 144 , Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ biểu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Q về việc tranh chấp huê hội và tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M hoàn trả số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) cho vợ chồng bà Võ Thị Q và ông Nguyễn Ngọc L

Không chấp nhận việc yêu cầu điều chỉnh lãi suất của ông Hồ Văn H.

Kể từ ngày được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền phải trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả, tức bằng 10%/năm của số tiền thi hành án.

Về án phí: vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Q số tiền 1.175.000đồng tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại biên lai thu số 0006964 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh